

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

Khi VN-Index giảm xuống kênh giá dưới, lực cầu bắt đáy xuất hiện và giúp chỉ số hồi phục. Kết phiên, chỉ số đóng cửa tại mốc 1,637.32 điểm, tăng gần 13 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 11/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Dịch vụ tài chính dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Ô tô và phụ tùng. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên hai sàn HSX, UPCOM và mua ròng trên sàn HNX. Đà giảm đã chứng lại trong ngày hôm nay, tuy nhiên lực bắt đáy vẫn còn yếu, nhà đầu tư nên giao dịch cẩn trọng trong những phiên tới.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các hợp đồng tương lai đều tăng theo nhịp vận động của VN30

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 09/09/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng suy yếu của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+12.79** điểm, đóng cửa tại **1637.32** điểm. HNX-Index **+3.25** điểm, đóng cửa tại **274.82** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+3.88)**, **VPB (+2.28)**, **VHM (+1.34)**, **SSI (+0.86)**, **TCB (+0.83)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-0.76)**, **LPB (-0.34)**, **GAS (-0.27)**, **SSB (-0.19)**, **GVR (-0.18)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **28,606** tỷ đồng, giảm **-41.93%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 31,733 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 24.31 điểm. Thị trường có **168** mã tăng, 72 mã tham chiếu, **130** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-877.75** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **HPG (-546.97 tỷ)**, **MBB (-148.67 tỷ)**, **SSI (-129.70 tỷ)**, **KBC (-94.40 tỷ)**, **VND (-84.66 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **21.02** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+0.94%**. Các mã diễn biến tích cực:
DBC (+5.76%) [\(Link báo cáo\)](#)
SSI (+4.48%)
VCI (+4.30%)
- BSC50 **+0.58%**. Các mã diễn biến tích cực:
HDG (+4.79%) [\(Link báo cáo\)](#)
DXG (+4.21%) [\(Link báo cáo\)](#)
VIC (+3.36%)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.94%	0.58%	0.79%	0.99%
1 tuần	0.13%	1.02%	-2.67%	-2.16%
1 tháng	4.20%	3.00%	3.30%	5.56%
3 tháng	24.83%	28.04%	24.49%	29.89%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,637.32	274.82	109.89
% 1D	0.79%	1.20%	-0.21%
GTKL (tỷ VND)	28,606	2,081	648
%1D	-41.93%	-46.64%	-37.21%
GDNN (tỷ VND)	-877.75	21.02	-3.88

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
FPT	181.87	HPG	-546.97
VPB	100.52	MBB	-148.67
HDG	70.36	SSI	-129.70
VIX	61.71	KBC	-94.40
DBC	56.40	VND	-84.66

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

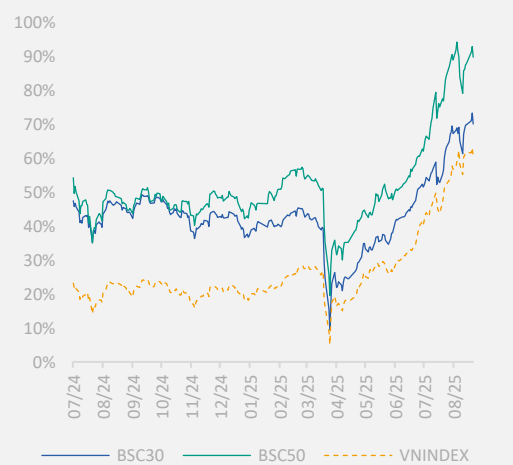
		%D	%W
SPX	6,495	0.21%	0.54%
FTSE100	9,231	0.10%	1.25%
Eurostoxx	5,357	0.07%	1.07%
Shanghai	3,807	-0.51%	-1.32%
Nikkei	43,459	-0.42%	2.72%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	66.61	0.89%
Giá vàng	3,656	-0.40%
Tỷ giá		
USD/VND	26,497	0.00%
EUR/VND	31,847	0.43%
JPY/VND	183	0.55%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.7%	0.01%
LS LNH 1M	5.2%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê thị trường	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6



Mở tài khoản tại BSC

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	129.20	3.36%	3.88	3.88
VPB	32.40	3.85%	2.28	7.93
VHM	101.40	1.40%	1.34	4.11
SSI	42.00	4.48%	0.86	1.97
TCB	38.50	1.32%	0.83	7.09

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SHS	26.80	5.93%	0.96	0.89
MBS	37.20	2.48%	0.36	0.57
HUT	19.40	2.11%	0.25	0.89
IPA	22.10	5.74%	0.18	0.21
CEO	24.10	1.69%	0.15	0.54

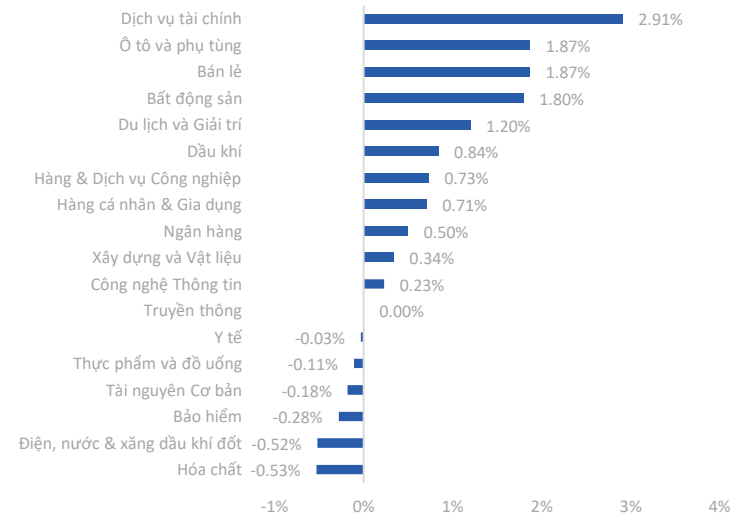
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SRC	37.45	7.00%	0.02	0.01
PMG	8.15	6.96%	0.01	0.01
VNE	6.48	6.93%	0.01	1.86
DAT	8.50	6.92%	0.01	0.02
C47	10.85	6.90%	0.01	0.49

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TTC	6.70	9.84%	0.02	0.03
HMH	15.80	9.72%	0.08	0.00
L40	50.20	9.61%	0.21	0.28
TV3	18.40	9.52%	0.07	0.01
VC1	13.40	8.94%	0.06	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VCB	64.90	-0.61%	-0.76	8.36
LPB	42.30	-1.17%	-0.34	2.99
GAS	62.10	-0.80%	-0.27	2.34
SSB	19.65	-1.50%	-0.19	2.85
GVR	28.60	-0.69%	-0.18	4.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	152.30	-1.10%	-0.23	0.20
KSF	76.10	-1.04%	-0.16	0.30
BAB	14.50	-0.68%	-0.06	0.96
HGM	302.10	-1.92%	-0.05	0.01
DTK	11.90	-0.83%	-0.05	0.68

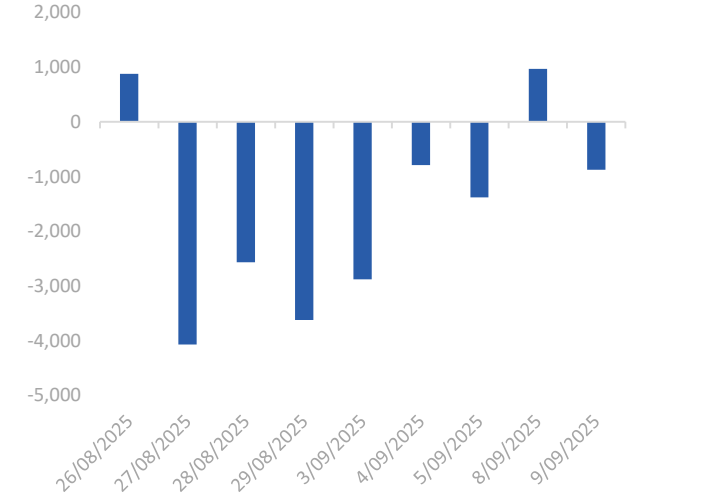
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TDW	54.10	-6.88%	-0.01	0.00
EVG	10.95	-6.81%	-0.04	6.57
CCC	15.85	-6.76%	-0.01	0.07
L10	20.70	-6.76%	0.00	0.00
PTC	7.52	-6.00%	0.00	0.14

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
GDW	39.30	-9.86%	-0.15	0.00
KMT	11.10	-9.76%	-0.04	0.00
SSM	5.10	-8.93%	-0.01	0.00
SMT	10.70	-6.96%	-0.02	0.00
TTL	8.30	-6.74%	-0.09	0.01

Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	76.0	2.7%	1.5	109,406	587.4	3,304	22.4	84,700	48.0%	Link
KBC	Bất động sản	38.4	-1.7%	1.3	36,728	507.1	1,835	21.3	-	13.8%	Link
KDH	Bất động sản	34.8	0.0%	1.2	39,053	147.0	717	48.6	39,900	31.9%	Link
PDR	Bất động sản	23.7	1.1%	1.5	22,928	561.7	177	132.5	28,200	10.9%	Link
VHM	Bất động sản	101.4	1.4%	1.1	410,741	289.3	6,984	14.3	92,000	10.0%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	102.1	0.2%	0.9	173,587	799.1	5,092	20.0	118,700	37.6%	Link
BSR	Dầu khí	25.9	1.6%	0.0	78,908	199.5	(16)	(1,582)	23,200	0.5%	Link
PVS	Dầu khí	33.8	0.3%	1.3	16,107	86.3	2,644	12.8	42,800	10.8%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	27.9	1.5%	1.4	29,699	331.7	1,107	24.8		39.0%	
SSI	Dịch vụ tài chính	42.0	4.5%	1.4	83,452	2114.1	1,575	25.5		39.1%	
VCI	Dịch vụ tài chính	44.9	4.3%	1.2	31,108	441.2	1,369	31.5		28.6%	
DCM	Hóa chất	37.5	-0.5%	1.4	19,958	128.4	3,186	11.8	47,300	6.9%	Link
DGC	Hóa chất	95.6	-0.6%	1.4	36,535	136.6	8,175	11.8	109,300	13.0%	Link
ACB	Ngân hàng	26.6	0.0%	0.9	136,378	405.2	3,305	8.0	28,400	30.0%	Link
BID	Ngân hàng	40.7	0.0%	1.0	285,418	172.8	3,683	11.0	49,500	17.3%	Link
CTG	Ngân hàng	49.6	0.2%	1.0	265,815	376.7	5,608	8.8	53,500	26.5%	Link
HDB	Ngân hàng	31.6	2.1%	1.1	107,997	503.5	4,075	7.6	30,800	17.5%	Link
MBB	Ngân hàng	26.7	-0.2%	1.1	215,068	874.0	3,046	8.8	32,000	22.9%	Link
MSB	Ngân hàng	14.0	1.1%	1.2	43,212	189.6	1,634	8.5	14,000	29.8%	Link
STB	Ngân hàng	54.2	0.4%	0.9	101,802	336.0	6,148	8.8		19.2%	
TCB	Ngân hàng	38.5	1.3%	1.2	269,277	1074.9	3,018	12.6	39,800	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	19.5	0.5%	1.3	51,122	433.0	2,423	8.0	-	24.7%	Link
VCB	Ngân hàng	64.9	-0.6%	0.7	545,626	419.9	4,148	15.7	75,700	21.8%	Link
VIB	Ngân hàng	21.1	0.2%	0.9	71,484	224.7	2,218	9.5	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	32.4	3.9%	1.1	247,538	1392.8	2,193	14.2	26,500	24.6%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	28.9	-0.2%	1.1	221,821	2218.5	1,750	16.5	34,300	19.7%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	19.9	-0.5%	1.2	12,420	268.8	751	26.6	23,800	10.9%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	28.5	5.8%	1.3	10,353	407.6	4,124	6.5	31,700	3.8%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	81.0	0.0%	1.2	117,119	483.7	1,861	43.5	92,700	24.9%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	60.3	-0.5%	0.5	126,651	213.1	4,101	14.8	64,500	48.8%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	41.8	1.09%	1.5	9,052	40.1	2,216	18.6	22.4%	16.2%	Link
FRT	Bán lẻ	128.2	-1.38%	1.1	22,139	57.8	3,163	41.1	31.2%	24.9%	Link
BVH	Bảo hiểm	56.8	-0.18%	1.2	42,238	16.4	3,294	17.3	27.2%	10.6%	
DIG	Bất động sản	24.3	1.04%	1.4	15,514	588.8	211	113.5	7.2%	1.8%	
DXG	Bất động sản	23.5	4.21%	1.3	22,976	473.8	350	64.5	25.7%	2.8%	Link
HDC	Bất động sản	34.6	2.83%	1.1	5,993	133.4	482	69.8	6.8%	3.8%	
HDG	Bất động sản	30.6	4.79%	1.4	10,803	179.9	540	54.1	18.5%	3.2%	Link
IDC	Bất động sản	42.4	0.00%	1.3	16,091	115.9	3,977	10.7	16.6%	27.3%	Link
NLG	Bất động sản	41.9	0.96%	1.4	15,981	106.4	1,709	24.3	46.1%	6.9%	Link
SIP	Bất động sản	58.7	-1.34%	1.1	14,406	12.5	5,215	11.4	4.0%	28.1%	
SZC	Bất động sản	34.3	-1.01%	1.1	6,228	65.3	1,978	17.5	2.8%	11.4%	Link
TCH	Bất động sản	21.8	1.63%	1.4	18,633	149.4	1,107	19.4	10.9%	8.0%	Link
VIC	Bất động sản	129.2	3.36%	1.3	481,627	341.4	3,487	35.9	3.8%	9.6%	
VRE	Bất động sản	30.3	0.00%	1.1	68,851	88.8	1,937	15.6	17.5%	10.4%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	40.0	0.63%	1.1	8,406	13.9	1,701	23.3	38.5%	12.5%	Link
PLX	Dầu khí	35.5	-0.14%	0.8	45,106	58.7	1,661	21.4	16.2%	8.2%	Link
PVD	Dầu khí	22.2	-0.23%	1.0	12,341	99.0	1,428	15.5	4.0%	5.0%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	37.8	0.80%	1.5	12,994	103.1	1,348	27.8	25.1%	10.9%	
MBS	Dịch vụ tài chính	37.2	2.48%	1.8	20,792	300.3	1,554	23.4	5.9%	12.1%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	62.1	-0.80%	0.9	151,051	78.3	5,002	12.5	1.8%	19.4%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	15.2	0.00%	1.0	35,596	222.6	636	23.9	2.7%	4.6%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	66.1	-1.05%	1.0	36,183	41.8	4,417	15.1	49.0%	12.6%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	145.0	2.18%	0.7	83,950	343.6	3,427	41.4	8.0%	9.9%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	51.7	2.99%	1.3	45,300	784.0	1,736	28.9	6.6%	11.1%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	68.2	3.02%	1.0	27,817	272.3	3,826	17.3	41.8%	12.2%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	57.2	-1.04%	1.0	9,760	142.2	5,700	10.1	6.2%	30.7%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	17.8	-0.56%	1.2	8,412	71.1	2,306	7.8	8.0%	13.8%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	99.4	0.10%	0.0	12,093	24.1	3,317	29.9	4.6%	25.2%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	85.7	1.06%	0.9	28,654	36.9	6,115	13.9	49.0%	18.1%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	30.1	0.67%	0.8	3,350	54.8	2,693	11.1	49.8%	13.3%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	20.0	1.01%	1.3	2,428	9.5	2,841	7.0	16.5%	18.6%	Link
DPM	Hóa chất	26.4	-0.38%	1.3	18,018	92.5	957	27.7	7.1%	5.8%	Link
GVR	Hóa chất	28.6	-0.69%	1.4	115,200	69.6	1,331	21.6	0.5%	9.9%	
EIB	Ngân hàng	27.2	1.68%	1.1	49,828	299.9	1,783	15.0	5.4%	13.1%	Link
LPB	Ngân hàng	42.3	-1.17%	0.5	127,856	118.3	3,324	12.9	0.8%	23.3%	Link
NAB	Ngân hàng	15.4	-0.97%	0.0	26,593	30.5	2,260	6.9	1.7%	19.6%	
OCB	Ngân hàng	13.2	1.15%	1.0	34,620	62.9	1,130	11.5	19.5%	9.4%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	18.0	-1.10%	1.2	8,123	445.2	666	27.3	8.1%	3.6%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	28.1	1.08%	1.6	7,402	92.8	1,871	14.9	3.5%	16.8%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	34.2	0.15%	0.8	10,367	64.6	1,981	17.2	2.9%	15.5%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	46.3	-1.07%	1.1	60,024	44.3	3,185	14.7	58.6%	17.5%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	58.3	0.34%	1.3	13,041	67.7	6,444	9.0	20.0%	16.3%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	150.4	-1.44%	1.0	12,492	9.1	13,894	11.0	85.5%	39.8%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	75.1	0.13%	1.3	7,607	32.2	4,512	16.6	46.8%	5.1%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	87.9	0.46%	1.2	10,009	17.3	4,930	17.8	6.0%	29.9%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	42.8	1.78%	1.2	4,239	61.3	2,518	16.7	1.5%	12.9%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	14.8	0.00%	1.4	7,337	135.5	1,077	13.7	10.2%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	25.9	0.39%	1.1	9,209	70.6	1,189	21.7	14.9%	7.7%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	25.5	0.99%	1.2	16,291	191.6	1,195	21.1	8.6%	9.5%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	57.9	0.35%	1.4	25,870	82.1	3,343	17.3	6.1%	17.5%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 08/2025_Thuế quan – Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
2	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
3	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
4	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
5	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
6	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
7	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
8	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
9	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
10	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
11	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
12	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng	x		Click
13	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
14	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng	x		Click
15	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
22	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
23	BSC_ Báo cáo ngành Q4.2024		x	Click
24	BSC_ Báo cáo ngành Q3.2024		x	Click
25	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2024		x	Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long

Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Vĩ mô – Thị trường

Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Vĩ mô – Thị trường

Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Ngành – Doanh nghiệp

Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích

Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích

Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích

Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích

Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc

Chuyên viên phân tích

Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings

210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: (024) 3935 2722

Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place

Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM

Tel: (028) 3821 8885

Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân

i-center@bsc.com.vn

(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>